

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TBGD NAM ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ***NĂM 2014***



Nơi gửi : - Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Lưu

Nam Định, ngày 15 tháng 4 năm 2015



NĂM BÁO CÁO 2014

I. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Tên tiếng Anh: Nam Dinh Educational Book and Equipment Joint Stock Company

- Tên viết tắt: NABECO



- Logo:

- Trụ sở: 13 Minh Khai - P Nguyễn Du, TP Nam Định - Tỉnh Nam Định

- Điện thoại: (0350) 3839 121 Fax: (0350) 839 121

- Đăng ký kinh doanh số: 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 02 tháng 7 năm 2014, đăng ký thay đổi lần 2.

Thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 4 năm 2015

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Mã chứng khoán *DST*.

Website : Sachnamdinh.VN

Với mục tiêu phục vụ tốt sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong ngành, cung ứng đủ SGK, TBGD phục vụ mục tiêu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thay SGK mới. Chức năng hoạt động của Công ty là cung cấp sách và thiết bị cho dạy và học, góp phần nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục tỉnh Nam Định.

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là Phòng sách giáo dục trực thuộc Sở GD-ĐT Nam Định từ năm 1983 đến năm 1992.

Công ty CP Sách & TBGD Nam Định BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2014

13 Minh Khai - P Nguyễn Du ,

TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Đến tháng 10/1992, UBND tỉnh Nam Hà ra quyết định số 427/QĐ-UB ngày 11/10/1992 thành lập DNNN với tên gọi Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Hà.

Đến năm 1996, do tách tỉnh, Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Hà đổi tên thành Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Định.

Ngày 30/8/2004, Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ra Quyết định số 4891/QĐ-BGDĐT về việc tiếp nhận Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Định về NXB Giáo dục.

Ngày 29/12/2004, Bộ GD-ĐT ra quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Định trực thuộc NXB Giáo dục thành Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con).

Vốn điều lệ Công ty khi bắt đầu cổ phần hoá tháng 1/2005 là 3.000.000.000, đồng (Ba tỷ VND)

Tháng 6 năm 2007 vốn điều lệ tăng lên 10.000.000.000, đồng (Mười tỷ đồng) Được thành lập trên cơ sở vốn góp của các cổ đông và Nhà Xuất bản Giáo dục VN.

Năm 2014 NXB GD đã bán toàn bộ số cổ phần ,vốn góp hiện nay là của các cổ đông .

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0703000526 do sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Nam Định cấp , đăng ký lần đầu ngày 5 tháng 1 năm 2005 & thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 6 năm 2007

Thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 7 năm 2014 với mã số doanh nghiệp 0600004422.

-Niêm yết :Ngày 09 tháng 10 năm 2007 UBCK nhà nước có Quyết định số 276/QĐ-TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty CP Sách -TBGD Nam Định & ngày 16 tháng 10 năm 2007 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Trung tâm giao

địch chứng khoán Hà Nội , mã chứng khoán DST

-Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh sách giáo khoa và các loại sách khác , thiết bị đồ dùng dạy học , văn phòng phẩm

Liên doanh liên kết , phát hành báo , tạp chí , tranh ảnh bản đồ , đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục .

-Tình hình hoạt động : Trong quá trình xây dựng và phát triển, trải qua 32 năm (1983-2014) thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Công ty đã làm chủ thị trường sách giáo khoa, mở rộng mạng lưới đại lý cung ứng rộng rãi sách và thiết bị văn phòng phẩm, dụng cụ học tập đến

tận các địa phương trong toàn tỉnh. Từ đó, Công ty phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu học tập của học sinh.

3. Định hướng phát triển:

+Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Với mục tiêu phục vụ tốt sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong ngành, cung ứng đủ SGK, TBGD phục vụ mục tiêu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thay SGK mới. Chức năng hoạt động của Công ty là cung ứng sách và thiết bị cho dạy và học, góp phần nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục tỉnh nhà.

+Chiến lược phát triển trung và dài hạn :Thực hiện chủ trương đa dạng hoá sản phẩm , tạo cơ hội cho giáo viên và học sinh có thêm nhiều lựa chọn những tài liệu tham khảo phù hợp với nhu cầu của mình . Nhà xuất bản giáo dục VN đã biên soạn nhiều bộ sách tham khảo mới ... nội dung phong phú .

Năm học 2014 và 2015 Công ty sẽ vẫn tiếp tục phân phối sách giáo khoa ,tham khảo của NXBGD nên số đầu sách của Công ty sẽ tiếp tục tăng và ngày càng phong phú hơn, đặc biệt sách tham khảo của NXBGD rất có uy tín đối với học sinh, nên sách tham khảo do Công ty phát hành luôn được các bậc phụ huynh học sinh và học sinh lựa chọn.

Bên cạnh đó với lợi thế của riêng mình, Công ty đã có một hệ thống bán hàng đã gắn bó với ngành giáo dục suốt mấy chục năm qua - hệ thống các phòng GD, trường THPT, Sở GD trong tỉnh. các công ty sách và thiết bị trường học trên cả nước. Hệ thống này có chức năng cung cấp sách giáo dục, thiết bị dạy học tại địa phương. Hơn nữa Công ty cũng tự xây dựng được hệ thống đại lý rộng khắp tại Tỉnh Nam Định. Điểm mạnh của hệ thống đại lý là rất năng động và nhạy bén trong đánh giá nhu cầu thị trường.

Ngoài ra Công ty sẽ tiếp tục:

Mở rộng quy mô kinh doanh theo hướng phát triển thị trường thiết bị giáo dục và hệ thống bán lẻ sách, thiết bị trường học, văn phòng phẩm.

Mở rộng liên kết với các NXB và các công ty sản xuất thiết bị giáo dục trên toàn quốc..Năm 2014 và những năm tiếp theo sẽ tập trung quảng bá thương hiệu ,thu hút khách hàng , khai thác bán lẻ tại siêu thị Công ty ,mở rộng địa bàn phát hành các mặt hàng phục vụ trường học.

+ **Tài chính** : Quản lý tài chính minh bạch công khai , thanh toán đầy đủ đúng hạn các khoản nợ vay , đảm bảo uy tín với các tổ chức tín dụng. Quản lý chặt chẽ với công nợ của từng khách hàng cụ thể . Huy động thêm vốn từ cổ đông khi có điều kiện thuận lợi và cần thiết .

4. Báo cáo của Hội đồng quản trị /Hội đồng thành viên / chủ tịch Công ty :

4.1. Hoạt động của hội đồng quản trị:

HĐQT gồm 5 thành viên ,trong đó có 3 thành viên độc lập không điều hành và 2 thành viên tham gia Công tác điều hành.

Trong năm 2014 HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp hàng quý , bắt thường để triển khai kịp thời những chỉ đạo của HĐQT với đầy đủ 100% Thành viên HĐQT tham dự

Các Nghị quyết HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên.

Nội dung các cuộc họp :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQHĐQT	15/2/2014	Thông qua Đơn giá tiền lương năm 2013 theo Doanh thu.
02	02/NQHĐQT	10/5/2014	Thông qua Mua cổ phiếu quỹ năm 2014
03	03/NQHĐQT	25/5/2014	Mua cổ phiếu quỹ , giá mua , số lượng mua ...
04	04/NQHĐQT	2/8/2014	Thông qua kế hoạch kinh doanh Q3+Q4/2014, thông qua quy chế quản trị cty
05	05/NQHĐQT	1/11/2014	Thông qua kế hoạch Tặng sách tham khảo cho thư viện các trung tâm học tập cộng đồng các trường trong tỉnh Nam Định .

+Trong năm 2014.HĐQT đã thực hiện việc giám sát , chỉ đạo đối với Ban giám đốc và cán bộ quản lý trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

+HĐQT luôn chú trọng chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của luật doanh nghiệp , điều lệ của Công ty và quy chế quản trị Công ty .

+HĐQT thường xuyên giám sát ban điều hành trong việc tổ chức và thực hiện các nghị quyết HĐQT. Nghị quyết đại hội Cổ đông...

+Trong năm 2014 Các thành viên trong HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách ,nhiệm vụ của mình .

4.2. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm :

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới năm 2014 không thuận lợi do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, chính sách thắt chặt tiền tệ kiểm chế lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng sức mua giảm.

Năm 2014 Ngân hàng không có chính sách giảm lãi suất cho vay, cho nên tình hình kinh doanh của Công ty năm 2014 bị nhiều ảnh hưởng.

Nguồn vốn kinh doanh còn hạn chế, Các khoản chi phí dịch vụ đều tăng ... hơn so với năm trước, giá vốn hàng mua vào tăng như sách giáo khoa vì vậy ảnh hưởng tới lợi nhuận lợi nhuận. Năm 2014 Công ty lãi 141 triệu cho nên lợi cổ tức dự kiến trả 0%.

Tình hình thực hiện năm 2014 về doanh thu, lợi nhuận cụ thể như sau:

DVT : VND

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2013	2014/2013 Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	33.890.412.816	30 968 135 972	+10%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	208.688.146	294 490 960	-30%
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	67.654.632	112 294 188	-40%
4. Lợi nhuận sau thuế	141.033.514	182 196 772	-23%
5. Cổ tức	0%	0%	

4.2. Các nhân tố rủi ro

4.2.1. Rủi ro về biến động cổ phiếu trên thị trường chứng khoán :

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo quan hệ cung cầu trên thị trường và ảnh hưởng bởi các yếu tố tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư ... Do đó giá cổ phiếu của Công ty có những biến động khó lường.

4.2.2. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định rất nhiều những cơ hội cũng như thách thức. Trong quá trình Nhà nước cắt bỏ dần dần cơ chế độc quyền kinh doanh, sức ép của một thị trường cạnh tranh đẽ nặng lên mọi hoạt động của một đơn vị vừa chuyển đổi khỏi cơ chế bao cấp.

Những biến động về giá sách và thiết bị đầu vào, yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng ... đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

4.2.3. Rủi ro về luật pháp

Là công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Khi đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Nghị định và các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định còn chưa cao, các quy định còn chông chéo gây khó khăn cho hoạt động của Công ty nói riêng và của các doanh nghiệp nói chung.

4.2.4. Rủi ro đặc thù

Mặt hàng chủ yếu của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định là sách giáo khoa và thiết bị giáo dục, ngoài ra còn một số sản phẩm khác như vở học sinh...

Sách giáo khoa hàng năm được bổ sung, sửa đổi, cập nhật nội dung thường xuyên. Do đó trong trường hợp Công ty đặt kế hoạch nhập hàng lớn hơn nhu cầu trên địa bàn thì số sách giáo khoa tồn kho khó có thể tiêu thụ trong năm sau. Bên cạnh đó, do đặc thù về thời gian tiêu thụ cao điếm vào trước năm học mới, nên lượng hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động trong năm cũng như vòng quay hàng tồn kho biến động lớn.

Đối với sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản (NXB) và một số tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì khắc phục được. Do sự hấp dẫn về doanh thu, nhiều NXB bắt đầu tham gia vào lĩnh vực xuất bản sách tham khảo. Những sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa chỉ có NXBGD được quyền xuất bản nhưng một số nơi vẫn tìm cách xuất bản các loại sách bổ trợ cho sách giáo khoa.

Nguyên vật liệu chính của sách là giấy in ruột và giấy in bìa. Giấy in ruột, giấy in bìa hàng năm luôn có biến động về giá cả. Giấy in ruột biến động là do bột giấy phải nhập khẩu và giấy

in bìa cũng phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được, do đó phụ thuộc vào biến động giá của thị trường thế giới. Do Công ty nhập sách từ NXB Giáo dục, nên Công ty chịu ảnh hưởng gián tiếp từ việc tăng giá giấy in sách.

Với mặt hàng thiết bị giáo dục, Công ty cần cập nhật thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật đa dạng của sản phẩm. Đây là mặt hàng đặc thù, do đó đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục trong địa bàn tỉnh, có số lượng hạn chế.

4.2.5. Rủi ro khác

Là một Công ty nằm dưới sự quản lý và điều tiết của Nhà xuất bản Giáo dục, hoạt động của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định chịu sự ảnh hưởng rất lớn trong biến động về chính sách của Nhà xuất bản Giáo dục. Theo chủ trương chung, một thời gian sau cổ phần hóa, Công ty sẽ chấm dứt việc được độc quyền cung cấp sách giáo khoa tại địa phương.

4.3 Những thay đổi chủ yếu trong năm :

Việc xây dựng siêu thị sách giúp thay đổi diện mạo, tạo vị thế mới trong hoạt động kinh doanh và quan hệ đối tác của Công ty. Siêu thị sách cũng là nơi phát hành sách và các thiết bị giáo dục thuận tiện tới tận tay người sử dụng, nâng cao khả năng bán lẻ của Công ty. Đồng thời dự kiến hội trường tòa nhà siêu thị sách còn là nơi liên kết mở các lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ, giáo viên về nghiệp vụ thư viện, thiết bị dạy học và soạn giảng chuyên môn.

Tuy nhiên trong năm 2013-2014 doanh thu bán hàng siêu thị còn thấp, bán lẻ chưa nhiều do đội ngũ bán hàng chưa năng động ...

Địa điểm đặt ở vị trí so với mặt bằng Nam Định chưa được thuận lợi cho nên chưa thu hút được nhiều khách hàng mua lẻ, chủ yếu là bán buôn.

Công ty chưa thực hiện được việc khoán lương theo sản phẩm đối với đội ngũ bán hàng siêu thị, cho nên mặc dù doanh thu thấp, không có lãi. Công ty vẫn phải trả đủ lương và các khoản chi phí khác ... cho siêu thị.

Việc liên kết mở các lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ, giáo viên về nghiệp vụ thư viện, thiết bị dạy học và soạn giảng chuyên môn chưa phát huy mạnh.

4.4 Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Bên cạnh việc tạo được sự tin cậy về chất lượng sản phẩm, Công ty luôn có một nền tảng quản trị bền vững cán bộ Công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc

Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng lĩnh vực kinh doanh đa ngành nghề, tập chung khai thác tối đa siêu thị sách tại 13 Minh Khai, mở rộng liên doanh liên kết với các đối với các Công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục VN, các phòng ban chuyên môn Sở Giáo Dục

Tiếp tục tăng vốn điều lệ để mở rộng kinh doanh khi có điều kiện thuận lợi về thị trường.

Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo của Ban Giám Đốc

5.1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2014

- **Trích khấu hao TSCĐ:** Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20-50
Phương tiện vận tải	5-9
Dụng cụ quản lý	3-7

- **Mức lương bình quân:** Quỹ lương được xác định trên cơ sở căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2013 và căn cứ vào mức lương tối thiểu chung do nhà nước quy định.

- Theo NQHĐQT số 02 ngày 03/01/2015 đơn giá tiền lương : 27.26 đồng tiền lương/1.000 đồng doanh thu

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ phải trả

- **Tích cực thu hồi Công nợ khách hàng** đạt 75%-80%

- **Các khoản phải nộp** theo luật định:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Đối với hoạt động bán sách giáo khoa, sách tham khảo thuộc đối tượng không chịu thuế; hoạt động bán thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; hoạt động bán thiết bị tài liệu khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị khác, ... áp dụng thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế

Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hiện tại, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Sau đây là bảng thống kê thuế và các khoản đã nộp 2013 và 2014 của Công ty:

Năm	Năm 2014	Năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.294.188	39.211.054

– Trích lập các quỹ theo luật định:

+ Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2014 là 0 %

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2014 : 141 triệu để lại chưa trích lập

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng Quản trị thống nhất và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông qua và trình đại hội cổ đông biểu quyết, Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Số dư các quỹ vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC QUỸ	31/12/2014	31/12/2013
Quỹ dự phòng tài chính	2.203.367	119.778.873
Quỹ đầu tư phát triển	239.768.370	239.768.370
Quỹ khen thưởng		
Tổng cộng	241.971.737	359 547 243

- Tình hình công nợ hiện nay: Số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Các khoản phải thu:

Đơn

vị tính: VNĐ

Các khoản phải thu	31/12/2014	31/12/2013
Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu của khách hàng	7.489.548.166	6.224.477.273
Trả trước cho người bán	87.686.183	95.194.460
Các khoản phải thu khác	2.480.000	
Tổng cộng	7.579.714.389	6.319.671.733

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013
Nợ ngắn hạn		
Vay & nợ ngắn hạn		
Phải trả người bán	3.006.883.256	4.455.189.941
Người mua trả tiền trước	35.867.950	22.030.657
Thuế & các khoản phải nộp NN	93.906.310	121.430.697
Phải trả người lao động	1.335.520	847.383
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.387.868	7.778.748
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.934.470	3.899.965
Nợ dài hạn		
Phải trả dài hạn người bán		-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Tổng cộng	3.149.315.374	4.611.177.391

Trong nợ ngắn hạn, khoản lớn nhất là phải trả người bán, chiếm từ 70% đến 80% các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần): <i>(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i>	2,93	2,38
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần): <i><u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u></i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	2,51	2,03
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,23	0,29
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		0,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i><u>Giá vốn hàng bán</u></i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	23,40	17,80
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,5	2,0
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,42	0,60
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,35	1,67
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,04	1,18
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,14	0,78

Công ty CP Sách & TBGD Nam Định BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2014

13 Minh Khai - P Nguyễn Du,

TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Giá trị sổ sách của Công ty đến 31/12/2014 như sau (đơn vị tính VNĐ)

A. Tài sản ngắn hạn	9.236.238.601,
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795,
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.579.714.389,
3. Hàng tồn kho	1.344.865.417,
4. Tài sản ngắn hạn khác	22.976.000,
B. Tài sản dài hạn	4.323.352.491,
1. Tài sản cố định	4.323.352.491,
- Nguyên giá	6.215.264.087,
- Giá trị hao mòn lũy kế	-1.891.911.596,
2. Tài sản cố định vô hình	
3. Chi phí XDCB dở dang	
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	
Tổng cộng tài sản	13.559.591.092,
A. Nợ phải trả	3.149.315.374,
1. Nợ ngắn hạn	3.149.315.374,
2. Nợ dài hạn	-
B. Vốn chủ sở hữu	10.410.275.718,
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.410.275.718,
2. Thặng dư vốn cổ phần	414.720.000,
3. Cổ phiếu quỹ	(437.440.533)
3. Quỹ đầu tư phát triển	239.768.370,
4. Quỹ dự phòng tài chính	2.203.367,
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	141.033.514,
Tổng cộng nguồn vốn	13.559.591.092,

5.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014:

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Th minh	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
1.	Doanh thu bán hàng và C cấp dịch vụ	01		33.890.412.816	30.968.135.972
2.	Các khoản giảm trừ	02		51.357.593	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC d vụ	10	12	33.839.055.223	30.968.135.972
4.	Giá vốn hàng bán	11	13	31.442.768.513	28.348.761.901
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.396.286.710	2.619.374.071
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		166.735.396	172.599.477
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22		0	61.333.333
	<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23		0	61.333.333
8.	Chi phí bán hàng	24		1.468.094.771	1.500.763.480

9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.046.675.850	987.755.073
10.	Lợi nhuận thuần từ h động kinh doanh	30		48.251.485	242.121.662
11.	Thu nhập khác	31		160.436.661	52.372.225
12.	Chi phí khác	32		0	2.927
13.	Lợi nhuận khác	40		160.436.661	52.369.298
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		208.688.146	294.490.960
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	67.654.632	112.294.188
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		141.033.514	182.196.772
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	141	182

5.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Giữ vững được mối quan hệ với lãnh đạo sở giáo dục và các phòng ban chuyên môn của sở giáo dục
- Tiếp thị tốt nhất là các trường THPT trong tỉnh
- Cơ chế bán hàng linh hoạt điều chỉnh phù hợp theo thời điểm
- Tinh thần thái độ phục vụ khách hàng tốt

5.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- + Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- + Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát thực hành tiết kiệm chống lãng phí...
- + Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí nâng cao năng lực cạnh tranh.

6. Báo cáo tài chính :

Trong những năm qua các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty do đơn vị kiểm toán độc lập là đơn vị nằm trong danh sách các đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị niêm yết đó là Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC

Năm 2014 đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 là Công ty TNHH kiểm toán VaCo

Sau đây là Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 :

LI Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19/03/2015, từ trang 04 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế

toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ việc Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-
2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-
2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN

VACO

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		9.236.238.601	10.992.388.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	288.682.795	3.025.729.105
1. Tiền	111		288.682.795	3.025.729.105
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.579.714.389	6.319.671.733
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.489.548.166	6.224.477.273
2. Trả trước cho người bán	132		87.686.183	95.194.460
3. Các khoản phải thu khác	135		2.480.040	-
III. Hàng tồn kho	140	7	1.344.865.417	1.593.814.440
1. Hàng tồn kho	141		1.377.327.417	1.626.013.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.462.000)	(32.199.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.976.000	53.173.702
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		22.976.000	53.173.702
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220)	200		4.323.352.491	4.499.390.159
I. Tài sản cố định	220		4.323.352.491	4.499.390.159
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.323.352.491	4.499.390.159
- Nguyên giá	222		6.215.264.087	6.249.788.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.891.911.596)	(1.750.397.928)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		13.559.591.092	15.491.779.139
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		3.149.315.374	4.611.177.391
I. Nợ ngắn hạn	310		3.149.315.374	4.611.177.391
1. Phải trả người bán	312	9	3.006.883.256	4.455.189.941
2. Người mua trả tiền trước	313		35.867.950	22.030.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	93.906.310	121.430.697
4. Phải trả người lao động	315		1.335.520	847.383
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.387.868	7.778.748
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.934.470	3.899.965
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.410.275.718	10.880.601.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	10.410.275.718	10.880.601.748
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		414.720.000	414.720.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(437.449.533)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		289.768.370	239.768.370
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.203.367	119.778.873
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		141.033.514	106.334.505
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		13.559.591.092	15.491.779.139

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		33.890.412.816	30.968.135.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		51.357.593	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	12	33.839.055.223	30.968.135.972
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	13	31.442.768.513	28.348.761.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.396.286.710	2.619.374.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		166.735.396	172.599.477
7. Chi phí tài chính	22		-	61.333.333
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	61.333.333
8. Chi phí bán hàng	24		1.468.094.771	1.500.763.480
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.046.675.850	987.755.073
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		48.251.485	242.121.662
11. Thu nhập khác	31		160.436.661	52.372.225
12. Chi phí khác	32		-	2.927
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		160.436.661	52.369.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		208.688.146	294.490.960
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	67.654.632	112.294.188
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		141.033.514	182.196.772
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	145	182

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	33.354.465.226	32.205.848.626
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(34.341.495.045)	(28.575.355.846)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(922.614.819)	(842.835.767)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(61.333.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(132.294.188)	(39.211.054)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	165.244.891	153.173.644
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(426.945.642)	(532.840.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.303.639.577)	2.307.445.385
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.042.800	5.296.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.042.800	5.296.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(437.449.533)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(437.449.533)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(2.737.046.310)	2.312.741.385
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.025.729.105	712.987.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	288.682.795	3.025.729.105

PHẦN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp ngày 05/01/2005; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 0600004422. Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng; Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã DST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 23 (tại ngày 01/01/2014 là 23).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm.
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3.ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4.TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sách chậm luân chuyển, Ban Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng dự phòng giảm giá sách dựa trên kinh nghiệm trong những năm qua. Năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập 65%, 70% trên giá bìa một số hàng sách. Theo đó, giá trị của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển đã được trích lập lũy kế đến 31/12/2014 là 32.462.000 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 32.199.000 đồng). Theo đánh giá của Ban Giám đốc, ngoài ra không còn hàng tồn kho nào cần trích lập dự phòng, tại 31/12/2014, hàng tồn kho đã được phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính
Nhà xưởng và vật kiến trúc	(năm) 10 - 50

Phương tiện vận tải 08 - 09
Thiết bị quản lý 03 - 05

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	223.264.389	383.031.912
Tiền gửi ngân hàng	65.418.406	2.642.697.193
Cộng	<u>288.682.795</u>	<u>3.025.729.105</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phòng Giáo dục Giao Thủy (Phụ trách Tiểu học)	146.978.980	212.468.176
Công ty TNHH Văn hóa Ngọc Bình	116.459.038	133.445.797
Phòng Giáo dục Nam Trực (Phụ trách Tiểu học)	130.135.380	170.409.901
Ông Trần Tất Mạnh	45.433.048	100.015.102
Trường THPT Nguyễn Bính	81.148.324	101.226.359
Phòng Giáo dục Trực Ninh (Phụ trách Tiểu học)	191.236.716	103.661.001
Đối tượng khác	6.778.156.680	5.403.250.937
Cộng	<u>7.489.548.166</u>	<u>6.224.477.273</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng hoá	1.377.327.417	1.626.013.440
Cộng	1.377.327.417	1.626.013.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.462.000)	(32.199.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	1.344.865.417	1.593.814.440

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	4.974.932.590	687.247.857	587.607.640	6.249.788.087
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(34.524.000)	(34.524.000)
Tại ngày 31/12/2014	4.974.932.590	687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	671.164.538	509.625.750	569.607.640	1.750.397.928
Khấu hao trong năm	106.170.698	60.866.970	9.000.000	176.037.668
Giảm khác	-	-	(34.524.000)	(34.524.000)
Tại ngày 31/12/2014	777.335.236	570.492.720	544.083.640	1.891.911.596
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	4.303.768.052	177.622.107	18.000.000	4.499.390.159
Tại ngày 31/12/2014	4.197.597.354	116.755.137	9.000.000	4.323.352.491

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 703.988.370 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 738.512.370 đồng).

Công ty đang thực hiện phân bổ khấu hao của tài sản trụ sở nhà làm việc và siêu thị trên đất đi thuê (thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 01/01/2003) trong 50 năm kể từ ngày 01/01/2009. Nếu phân bổ khấu hao của tài sản nói trên theo thời hạn thuê còn lại (24 năm) kể từ ngày 01/01/2009 thì chi phí khấu hao trong năm sẽ tăng thêm 102.459.202 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty sẽ được tiếp tục gia hạn thời gian thuê đất khi hết hạn, do vậy Công ty quyết định thời gian khấu hao 50 năm là hợp lý với tình hình thực tế và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà Sách Minh Đức	1.615.643.050	1.579.931.978
	475.684.600	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây		
Nhà sách Giáo dục Bình Minh	399.711.000	341.572.560
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	390.931.580	-
Công ty TNHH Sách giáo dục Hải Anh	68.857.200	153.405.280
Công ty TNHH Nhật Minh Minh Anh	-	886.389.702
Trung tâm nghiên cứu và sản xuất học liệu	-	743.670.311
Nhà sách Bùi Thị Hồng Lan	-	482.885.700
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội	-	106.461.500
Đối tượng khác	56.055.826	160.872.910
Cộng	3.006.883.256	4.455.189.941

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	50.760.038	8.218.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.654.632	107.294.188
Thuế thu nhập cá nhân	491.640	5.918.440
Cộng	93.906.310	121.430.697

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	(75.862.267)	10.698.404.976
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	182.196.772	182.196.772
Số dư tại ngày 31/12/2013	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	106.334.505	10.880.601.748
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	141.033.514	141.033.514
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	50.000.000	50.000.000	(106.334.505)	(6.334.505)
Quỹ khác (ii)	-	-	-	-	(167.575.506)	-	(167.575.506)
Thêm cổ phiếu quỹ	-	-	(437.449.533)	-	-	-	(437.449.533)
Số dư tại ngày 31/12/2014	10.000.000.000	414.720.000	(437.449.533)	289.768.370	2.203.367	141.033.514	10.410.275.718

Ghi chú:

(i) Theo Biên bản họp Hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau;

	Giá trị
	VND
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	50.000.000
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	50.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	6.334.505
Cộng	106.334.505

(ii) Giám khác theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 05/NQHĐQT ngày 01/11/2014 về việc ghi giảm quỹ dự phòng tài chính tương ứng với giá trị sách xuất tặng cho các trung tâm học tập cộng đồng trong tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập là Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã bán toàn bộ cổ phần trong năm 2014.

Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	919.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	919.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	81.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	81.000	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

12.DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	33.890.412.816	30.968.135.972
	<u>33.890.412.816</u>	<u>30.968.135.972</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	51.357.593	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>33.839.055.223</u>	<u>30.968.135.972</u>

13.GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá	31.442.768.513	28.348.761.901
Cộng	<u>31.442.768.513</u>	<u>28.348.761.901</u>

14.CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.102.517.491	999.176.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.037.668	242.142.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.936.443	1.247.199.216
Chi phí khác	33.279.019	-
Cộng	<u>2.514.770.621</u>	<u>2.488.518.553</u>

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	208.688.146	294.490.960
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	98.832.910	154.685.790
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	98.832.910	154.685.790
- Phí quản lý cổ đông	-	20.000.000
- Chi phí không hợp lệ khác	98.832.910	134.685.790
Thu nhập chịu thuế	307.521.056	449.176.750
- Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	67.654.632	112.294.188

Ngoài khoản chi phí không hợp lệ khác ở trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	141.033.514	182.196.772
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	141.033.514	182.196.772
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	972.926	1.000.000
Lãi (bổ) cơ bản trên cổ phiếu	145	182

Chi tiết biến động cổ phiếu

	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	1.000.000	1.000.000
Số lượng CP phát hành thêm	-	-
Số ngày lưu hành trong kỳ	-	-
Tổng số ngày	365	365
Số lượng CP mua lại trong kỳ	81.000	-
Số ngày mua lại	122	-
Số lượng CP lưu hành bình quân	972.926	1.000.000

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc	145.982.932	149.700.132
Cộng	145.982.932	149.700.132

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-	3.025.729.105	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.492.028.206	-	6.224.477.273	-
	<u>7.780.711.001</u>	<u>-</u>	<u>9.250.206.378</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			3.012.271.124	4.462.968.689
			<u>3.012.271.124</u>	<u>4.462.968.689</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn

góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Do Công ty không có khoản nợ vay nào nên hệ số đòn bẩy tài chính bằng 0.

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	3.025.729.105
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	10.432.018.958	10.880.601.748
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có

thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-	-	288.682.795
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.492.028.206	-	-	7.492.028.206
	7.780.711.001	-	-	7.780.711.001
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.012.271.124	-	-	3.012.271.124
	3.012.271.124	-	-	3.012.271.124
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.768.439.877	-	-	4.768.439.877

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.025.729.105	-	-	3.025.729.105
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.224.477.273	-	-	6.224.477.273
	9.250.206.378	-	-	9.250.206.378
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.462.968.689	-	-	4.462.968.689
	4.462.968.689	-	-	4.462.968.689
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.787.237.689	-	-	4.787.237.689

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 10/1/2015, Công ty (Bên A) và Cửa hàng văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng do bà Nguyễn Thị Thanh Hương (Bên B) làm chủ cửa hàng đã ký hợp đồng nguyên tắc số 13/HĐNT-2015 về việc mua bán sản phẩm giáo dục. Theo đó, Bên B sẽ nhận và phối hợp phát hành các sản phẩm giáo dục của Bên A và được hưởng phí phát hành đối với tất cả các loại sản phẩm giáo dục theo từng thời điểm nhận hàng. Giá trị sách được thể hiện trong hợp đồng là sổ sách, tạp chí, tồn đọng lâu ngày.

20. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 25/12/2014, một số cổ đông của Công ty đã đề cử bà Đỗ Hồng Nhung tham gia bầu cử vào Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Ngày 03/01/2015 Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/NQHĐQT về việc bổ nhiệm bà Đỗ Hồng Nhung giữ vị trí Phó Giám đốc tài chính từ ngày 05/01/2015.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu

Nam Định, ngày 19 tháng 03 năm
2015

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng
Giám đốc

7 / Tổ chức nhân sự :

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Đặng Quốc Toàn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 11/11/2013 |
| • Ông Nguyễn Việt Đức | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 12/4/2014 |
| • Ông Trần Quốc Hưng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Ông Đoàn Quyết Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Ông Phạm Anh Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 12/4/2014 |

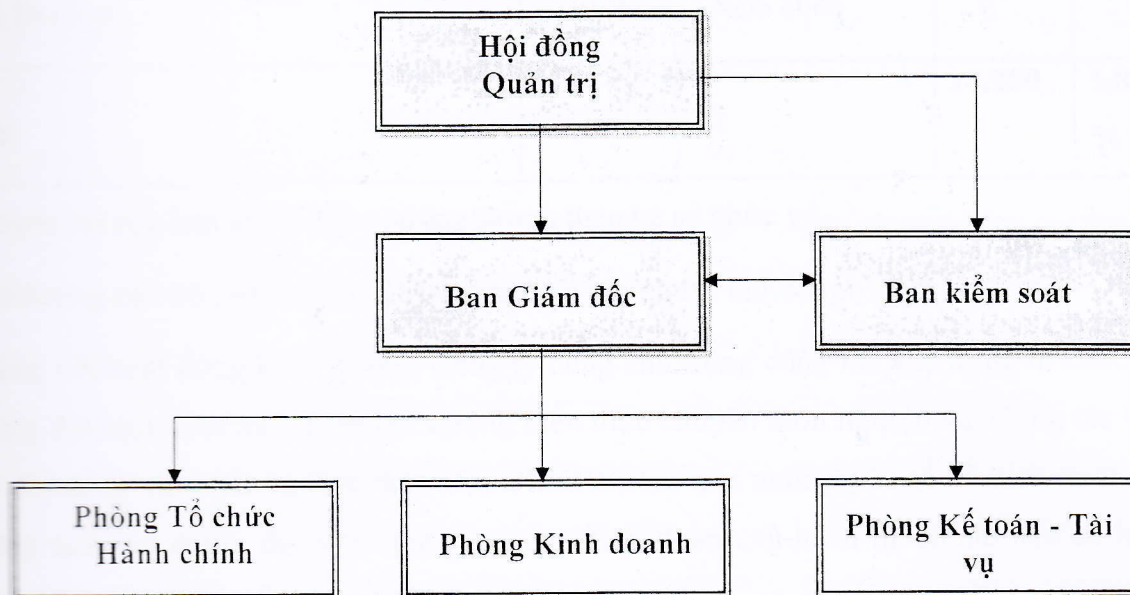
Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Ngọc Doanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Bà Trần Thị Sợi | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Ông Trần Trung Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 12/4/2014 |

• Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|---------------------|--------------------------|
| • Ông Trần Quốc Hưng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/6/2013 |
| • Bà Hứa Thị Anh Đào | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | |

Cơ cấu tổ chức của Công ty



Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong ban điều hành :

- Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát (đến 31/12/2014)

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %
	Đặng Quốc Toàn	CTHĐQT	1978	Hà Nội	0	0%
2	Trần Quốc Hưng	HĐQT- GD	3/1970	Hạ Long -TP Nam Định	3 700	0,37%
3	Đoàn Quyết Th ắng	HĐQT-PP	1978	47E Bắc Trần Đăng Ninh-NĐ	0	0%
4	Nguyễn Việt Đức	HĐQT			0	0%
5	Phạm Anh Tuấn	HĐQT			14.500	1,45%
6	Hứa Thị Anh Đào	PG Đ-KTT	12/1962	Khu đô thị Hoà Vượng -TP NĐ	0	0%
8	Nguyễn Ngọc Doanh	TB -BKS	1974	Nam Trục -Nam Định	0	0%
7	Trần Anh Tuấn	BKS			0	0%

3	Trần Thị Sợi	BKS	1982	-Nam Định	0	0,%
	Cộng				18.200	1,82 %

Quyền lợi của ban giám đốc : hưởng lương theo hệ số chức vụ

-Số lượng cán bộ , nhân viên , chính sách đối với người lao động:

Cùng với hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Công ty quan tâm phát triển.

Chế độ đãi ngộ đối với người lao động:

Về việc làm và thu nhập: Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn có đầy đủ việc làm với thu nhập ổn định: năm 2014, tổng thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty luôn đạt mức bình quân 3 triệu đồng/người/tháng.

Chế độ BHXH, BHYT: Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên đều được tham gia đầy đủ chế độ BHYT và BHXH theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty đã thực hiện tốt chế độ cấp phát trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc luôn thoáng mát, an toàn, sạch sẽ.

Một số chế độ khác: Hàng năm, Công ty tổ chức cho các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh được đi tham quan nghỉ mát, tham quan, học tập, đảm bảo việc bố trí lao động phù hợp với năng lực chuyên môn và sức khỏe. Hàng năm, Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ đồng thời cử cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao tay nghề đảm bảo cán bộ công nhân viên nắm bắt tốt quy trình công nghệ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công ty quan tâm tặng quà đến con của CBCNV trong các dịp Tết trung thu, ngày quốc tế thiếu nhi, tổng kết năm học và khai giảng năm học; tổ chức

kỷ niệm, tặng quà các ngày 8/3 và 20/10 động viên các CBCNV nữ. Công ty cũng rất chú trọng chăm lo đến CBCNV nhân dịp các ngày lễ tết trong năm như 1/1; 1/5; 2/9 và tết âm lịch.

8: Thông tin cổ đông /thành viên góp vốn và quản trị Công ty

8.1 Hội đồng quản trị: Gồm 5 người là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHCĐ quy định.

8.2 Ban kiểm soát: gồm 3 người là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

8.3 Ban Giám đốc: 2 người

1- Giám đốc Công ty: Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1- Phó Giám đốc Công ty: Các Phó Giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

Kế toán trưởng Công ty: Kế toán trưởng của Công ty giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

8.4 Khối tham mưu: Gồm các phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.

Khối tham mưu của Công ty gồm Phòng Kinh doanh; Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Kế toán-Tài vụ, với chức năng được quy định như sau:

a- Phòng Kinh doanh:

Phòng Kinh doanh có nhiệm vụ giúp lãnh đạo Công ty trong công tác kinh doanh và các công tác khác theo sự phân công của lãnh đạo Công ty.

b- Phòng Kế toán-Tài vụ: Phòng Kế toán-Tài vụ có nhiệm vụ giúp lãnh đạo Công ty và các đơn vị trực thuộc trong công tác quản lý tài chính.

c- Phòng Tổ chức Hành chính: Phòng Tổ chức Hành chính: có nhiệm vụ giúp lãnh đạo Công ty và các đơn vị trực thuộc trong công tác quản lý cán bộ, công tác hành chính của Công ty.

Quy định chi tiết về chức năng và nhiệm vụ của từng chức danh và của các phòng ban Công ty theo quy định hiện hành của Giám đốc Công ty.

Thủ lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2012 không có

Số lượng thành viên HĐQT/HĐTV 05 người, Ban kiểm soát /Kiểm soát viên .03 người

Ban giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: chưa có

Tỷ lệ cổ sở hữu cổ phần của thành viên /vốn góp :(27/2/2015)

*** Hội đồng quản trị**

TÊN CỔ ĐÔNG	CHỨC VỤ	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ (%)
Đặng Quốc Toàn	CTHĐQT	Hà Nội	0	0	0
Nguyễn Việt Đức	Ủy viên	TP Hồ Chí Minh	0	0	0
Trần Quốc Hùng	GĐ Ủy viên	Hạ Long -TP NamĐịnh	3 700	37.000.000	0,37%
Phạm Anh Tuấn	HĐQT	Nam Định	14.500	145.00.000	1,45%
Đoàn Quýết Thắng	Ủy viên	Trần Đăng Ninh-NĐ	0	0	0

8.5 Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn (chốt danh ngày 27/2/2015)

8.5.1 Cổ đông /thành viên góp vốn trong nước :

-Tổ chức trong nước :

Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định :CP quỹ 81.000,cổ phần , chiếm tỷ lệ 8,1%

-Cá nhân trong nước :183 cổ đông ,879.900 cổ phần ;chiếm tỷ lệ87,99%,

8.5.2 . Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài : 08cổ đông , sở hữu 39.100cổ phần ,chiếm tỷ lệ 3,91%

Nam Định, Ngày 15 tháng 4 năm 2015

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ TRƯỜNG GIANG